

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.  
Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)*



## **ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng  
**Tổng số lượng đăng ký giao dịch** : 1.200.000 cổ phần  
**Tổng giá trị đăng ký giao dịch** : 12.000.000.000 đồng

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SAO VIỆT**

Trụ sở chính : 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : (84.8) 35261357 Fax: (84.8) 35261359

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4**

*( Ban hành theo thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Trưởng Bộ tài Chính  
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán )*

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	: No 4 printing joint stock company
Tên viết tắt	: IN4 JSC
Giấy chứng nhận doanh nghiệp	: 0300462580
Vốn điều lệ	: 12.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 12.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: 08 38291312
Fax	: 08 38297577
E-mail	: ctcpin4@gmail.com
Website	: <a href="http://www.inso4.com">http://www.inso4.com</a>
Mã cổ phiếu	: IN4

*(Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)*

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 05/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh...

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

**Ngành nghề kinh doanh:** Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bế hộp, mạ nhũ vàng. Cho thuê văn phòng. Giáo dục tiểu học.

Địa bàn kinh doanh: Phạm vi kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trong đó chủ yếu là tại thành phố Hồ Chí Minh.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Cao nhất là Đại hội đồng cổ đông, kế tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động công ty giữa 2 kỳ đại hội. Bên cạnh đó tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty luôn được đề cao thể hiện qua việc mọi thành viên trong công ty đều có thể bày tỏ ý kiến để đóng góp xây dựng vào quá trình vận hành của doanh nghiệp nhằm giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh sản xuất.

Tổ chức kinh doanh: Chú trọng vào công việc sản xuất chính là tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm về In và các dịch vụ ngành In có liên quan. Hiện chưa tham gia vào các ngành nghề khác đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như: cho thuê văn phòng, giáo dục các cấp hoặc thị trường chứng khoán.

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, phân xưởng trực thuộc.

### 5. Định hướng phát triển

- ✚ Duy trì và củng cố nguồn việc hiện có trên cơ sở tận dụng uy tín vốn có đối với các khách hàng truyền thống và cố gắng khai thác thêm nguồn việc mới, khách hàng mới.
- ✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ bằng cách tiếp cận và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại công nghệ cao.
- ✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- ✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

### 6. Các rủi ro:

Nằm trong tình trạng chung của các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, công ty cũng gặp rủi ro lớn nhất là tình hình chiếm dụng vốn và phát sinh công nợ dây dưa, thậm chí có khả năng mất vốn đã đầu tư sản xuất. Để khắc phục, doanh nghiệp chú trọng đến việc tìm hiểu, điều tra năng lực các khách hàng mới đồng thời hạn chế tối đa trong việc cho đối tác nhận hàng trước khi thanh toán.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm qua, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2013, chúng tôi đã nhận định : Ảnh hưởng xấu của việc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn còn tiếp diễn do nền kinh tế các nước nhất là các nước đang phát triển vẫn chưa hồi phục để đạt mức tăng trưởng kinh tế như kế hoạch đề ra, do vậy nền kinh tế Việt Nam cũng không thể ngoại lệ. Nói một cách cụ thể hơn những khó khăn tồn tại của năm 2012 đối với các doanh nghiệp vẫn còn tiếp diễn trong năm 2013. Vấn đề này được thể hiện một cách rõ nét qua số lượng các doanh nghiệp đã giải thể, ngừng hoạt động và tạm ngừng hoạt động là rất lớn – 60.737 đơn vị – tăng gần 12% so với năm 2012.

Để hạn chế bớt một phần các khó khăn và giúp doanh nghiệp có thể tồn tại phát triển, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều biện pháp, giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô và thu được những kết quả hết sức tích cực, điều này nói lên tính đúng đắn kịp thời hiệu quả của các biện pháp và giải pháp này. Kết quả thu được mà chúng ta có thể nhận thấy rất rõ là :

- Mức độ lạm phát đã giảm rất nhiều và được kiểm soát ở mức thấp.
- Lãi suất cho vay của các ngân hàng cũng đã giảm tương ứng.
- Đưa vốn tiếp cận các doanh nghiệp và kích cầu cho vay tiêu thụ bất động sản.
- Miễn giảm các loại thuế và khoản thu cho doanh nghiệp.

từ đó góp phần để sản xuất kinh doanh có dấu hiệu phục hồi.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Do	1954	Giám đốc	5.200	
2	Phạm Trần Thọ	1960	Phó giám đốc	2.100	
3	Phan Chí Trung	1960	Phó giám đốc	9.800	
4	Trần Thị Hạnh	1961	Kế toán trưởng	9.200	

## **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

Không có.

## **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

### **a) Lực lượng lao động**

Số lượng lao động bình quân trong năm 2013 của Công ty là 181 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

### **b) Chính sách cho người lao động**

**Chính sách đào tạo:** Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5.

**Chính sách tiền lương:** Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất). Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành sắp xếp lại lao động ở một số bộ phận, giảm lượng lao động dư thừa ở một số khâu để tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập của lao động trong Công ty.

**Chính sách thưởng:** Công ty có quy chế khen thưởng và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kềm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt trên 774 triệu đồng.

**Các chính sách khác:** Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Trang bị thêm máy móc cho khâu thành phẩm bao gồm : máy cắt 3 mặt, máy vô bì, máy xếp với tổng trị giá hơn 750 triệu đồng nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm.

- Trên cơ sở nguồn vốn tự có, doanh nghiệp sẽ đầu tư trang bị 1 máy in kỹ thuật số nhằm mục đích:
  - ✚ Đa dạng hóa sản phẩm cung cấp để nâng cao doanh thu cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - ✚ Phục vụ cho quá trình in bù các sản phẩm hỏng của doanh nghiệp với chi phí sản xuất thấp nhất và thời gian sản xuất ngắn nhất.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	28.898.148.931	28.522.024.135	99
Doanh thu thuần	43.236.145.424	49.225.053.140	114
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.637.326.643	5.017.594.533	108
Lợi nhuận khác	313.859.364	442.630.002	141
Lợi nhuận trước thuế	4.951.186.007	5.460.224.535	110
Lợi nhuận sau thuế	3.998.904.365	4.235.801.124	106

##### b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,14	3,49	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	2,76	3,40	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,33	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	10,00	23,03	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,50	1,73	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,14	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,10	



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a/ Cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.200.000	100%
Cổ phần phổ thông	1.200.000	100%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.200.000	100%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

### b/ Cơ cấu cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	638.710	53%
Cổ đông cá nhân	561.290	47%
<b>Cộng</b>	<b>1.200.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông Nhà nước	612.000	51%
Cổ đông trong nước	588.000	49%
Cổ đông nước ngoài	0	0

### c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2013, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

### b/ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Phân tích tổng quan

#### 1/ Thuận lợi :

- Chính sách miễn giảm các khoản thu từ đất đã được triển khai và doanh nghiệp cũng là một trong những đơn vị được thụ hưởng với số miễn giảm của năm 2013 là gần 700 triệu. Bên cạnh đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dành cho các sản phẩm là sách giáo khoa cũng chỉ còn 10% so với 25% như trước đây.

- Được sự giúp đỡ của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn trong việc cho mượn mặt bằng 27 Nơ Trang Long để đơn vị có thể duy trì hoạt động sản xuất của phân xưởng Thành Phẩm.

- Các khách hàng thân thiết, lâu năm vẫn luôn tín nhiệm và ủng hộ doanh nghiệp góp phần quan trọng trong việc thực hiện và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đặc biệt nhất là trong việc tham dự đấu thầu in sách giáo khoa, đơn vị chúng tôi trúng được 3 gói thầu so với bình thường là 1 gói với tổng trị giá hợp đồng là gần 12 tỷ.

- Tập trung với mọi nguồn lực hiện có cho sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải hoặc tham gia thị trường chứng khoán. Về mặt đầu tư đã tổ chức đấu thầu và chọn được đơn vị cung cấp : Hồ sơ thiết kế công trình và các dịch vụ có liên quan cho việc xây dựng mới phân xưởng Phan Đăng Lưu như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy phép xây dựng, ...

- Có một nền tài chính lành mạnh, hạn chế đến mức thấp nhất các khoản công nợ dầy dụa khó đòi hoặc mất khả năng thanh toán. Sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu nên doanh thu tài chính thực hiện trong năm tương đối cao và doanh nghiệp không phải vay vốn từ các ngân hàng hoặc bất cứ một tổ chức tín dụng nào.

- Tập thể CB - CNV có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, luôn phát huy đoàn kết, có tinh thần sẵn sàng bám máy, bám việc khi có nhu cầu tăng ca, tăng giờ để phục các yêu cầu đa dạng và phức tạp của khách hàng.

## **2/ Khó khăn :**

- Tình hình cạnh tranh trong nội bộ ngành in diễn ra gay gắt và không lành mạnh khiến việc điều chỉnh giá công in để bù đắp các khoản chi phí phát sinh trong năm như : tiền lương, nguyên nhiên vật liệu, ... hầu như không thể thực hiện được nhất là đối với mặt hàng bloc, sách các loại.

- Mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, manh mún không đáp ứng được yêu cầu của quá trình sản xuất nên doanh nghiệp phải đi thuê, đồng thời chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao trong kỳ. Để giải quyết một phần khó khăn này và cũng thực hiện lời hứa hoàn trả mặt bằng Nơ Trang Long cho Tổng Cty nên trong năm vừa qua, doanh nghiệp đã hoàn thành được việc xin cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất; giấy phép xây dựng và Hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho mặt bằng phân xưởng Phan Đăng Lưu.

- Căn cứ Nghị định 66/2013/NĐ-CP ký ngày 27/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, kể từ ngày 01/7/2013 mức lương tối thiểu được điều chỉnh từ 1.050.000đồng lên 1.150.000đồng. Vấn đề này đã làm chi phí sản xuất tăng cao vì chi phí tiền lương chiếm một tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm ngành In.

- Khoản tiền 1 tỷ đồng đặt cọc theo Hợp đồng để mua 1ha đất trong khu Công nghiệp Hoàng Gia Long An vẫn chỉ dừng ở bước : được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Cụ thể đã tiến hành mở phiên đấu giá lần 3 để tìm nhà đầu tư có nhu cầu mua lô đất trên.

## 2. Tình hình tài chính

### a/ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2012
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>24.658.865.543</b>	<b>24.418.963.043</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.927.867.854	19.373.980.374
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.021.281.761	2.076.677.992
Hàng tồn kho	690.006.582	2.912.612.263
Tài sản ngắn hạn khác	19.709.346	55.692.414
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>3.863.158.592</b>	<b>4.479.185.888</b>
Tài sản cố định	3.863.158.592	4.279.185.888
Tài sản dài hạn khác	0	200.000.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>28.522.024.135</b>	<b>28.898.148.931</b>

### b/ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2012
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>7.055.667.378</b>	<b>7.783.581.898</b>
Phải trả người bán	348.872.199	1.674.919.695
Người mua trả tiền trước	80.230.000	158.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	307.109.681	486.587.134
Phải trả người lao động	3.909.650.553	3.483.416.994
Chi phí phải trả	314.248.270	0
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	109.168.380	226.229.780
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.986.388.295	1.754.428.295
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>7.055.667.378</b>	<b>7.783.581.898</b>

**c/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

Không có.

**d/ Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH 2014	%
1. Giá trị Tổng sản lượng (GCD 1994)	Tr.đồng	31.095	24.400	78
2. Sản phẩm sản xuất trong kỳ	Tr. trang	5.745	4.500	78
3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	50.894	39.000	77
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.460	5.750	105
5. Thuế thu nhập DN phải nộp	Tr.đồng	1.224	1.265	103
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.236	4.485	106
7. Các khoản nộp ngân sách	Tr.đồng	4.743	3.520	78
8. Tổng số lao động	Người	181	175	97
9. Phân phối lợi nhuận				
Trong đó: + Quỹ dự phòng tài chính	Tr.đồng	400	440	110
+ Quỹ khen thưởng	”	800	880	110
+ Cổ tức cổ đông	”	3.000	2.400	80
+ Chuyển năm sau	”	-	-	-
+ Tỷ lệ cổ tức	%	24	20	83
+ Chi khác	Tr.đồng	84	(Theo thực tế)	

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

### **1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**

#### **a/ Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

Khi nhận công văn số 25/CV-VHSG của Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn về việc giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 cho Công ty Cổ phần In số 4, doanh nghiệp đã hết sức băn khoăn và e ngại trong việc thực hiện vì những tác động xấu của

khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế vẫn còn tiếp diễn và nhất là nguồn việc mà đơn vị đã đàm phán và ký kết được Hợp đồng Kinh tế với các đối tác vẫn còn thiếu nhiều. Nhưng bằng vào tinh thần đoàn kết, tập thể Ban điều hành và CB-CNV Cty đã nỗ lực hết mình trong việc khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng vật tư để tổ chức sản xuất và điều hành các hoạt động của Cty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 thể hiện qua bảng số liệu sau :

**BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH  
NĂM 2013**

Nội dung	ĐVT	KH 2013	TH năm 2013	So sánh %
1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GCD 94)	Tr.đồng	29.000	31.095	107
2. Sản lượng trang in (13 x 19cm)	Tr. trang	5.500	5.745	104
3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	46.000	50.894	111
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.000	5.460	109
5. Nộp ngân sách	Tr.đồng	3.200	4.743	148
6. Tổng số lao động BQ	Người	180	181	100
7. Thu nhập bình quân(người/tháng)	Tr.đồng	7.5	8.2	109
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	3.125	3.530	113
9. Cổ tức				
- Tỷ lệ	%	20	24	120
- Số tiền	Tr. đồng	2.400	2.880	120

**Nhận xét chung :**

- Từ bảng số liệu cho thấy, với mọi chỉ tiêu đều vượt mức kế hoạch được giao và tăng trưởng cùng kỳ năm trước. Trong đó chỉ tiêu lợi nhuận vượt 11% là do luôn được tập thể Ban điều hành quan tâm trên cơ sở tiết kiệm chi phí bằng việc chủ động tìm tòi các nguồn vật tư mới có giá thành hạ và chất lượng cao như mực các loại, bản kẽm, cao su, kẽm đóng, ...v.v

Năm 2013, vẫn duy trì được việc thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí thể hiện qua trị giá vật tư tiết kiệm và phế liệu thu hồi đạt gần 1 tỷ đồng. Trong đó, giá trị vật tư tiết kiệm là 217.111.231 đồng.

Thu nhập bình quân trong năm của CB-CNV đạt 8.200.000đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá trong điều kiện nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

#### **b/ Đầu tư phát triển:**

- Trang bị thêm máy móc cho khâu thành phẩm bao gồm : máy cắt 3 mặt, máy vô bì, máy xếp với tổng trị giá hơn 750 triệu đồng nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm.

#### **c/ Quản lý và sử dụng vốn**

- Tập thể Ban lãnh đạo và CB-CNV Cty đã quản lý và sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu một cách hiệu quả, tiết kiệm và linh hoạt thể hiện qua doanh thu hoạt động tài chính đạt mức gần 1 tỷ 700 triệu đồng.

- Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12 là 18 tỷ 928 triệu đồng. Nếu so với góp vốn ban đầu của các cổ đông là 12 tỷ đồng, chúng ta có thể thấy ngay vốn của các nhà đầu tư đã được doanh nghiệp quản lý chặt chẽ, hiệu quả, chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính nên luôn luôn được bảo toàn và phát triển một cách vững chắc.

#### **d/ Tỷ lệ cổ tức và trích lập Quỹ phúc lợi khen thưởng**

- |   |                               |
|---|-------------------------------|
| - Tỷ lệ cổ tức dự kiến                  | : 24%/giá trị cổ phần.        |
| - Trích lập quỹ Dự phòng tài chính      | : 400 triệu đồng.             |
| - Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi    | : 800 triệu đồng.             |
| - Các khoản nộp ngân sách               | : 5.483 triệu đồng.           |
| - Thu nhập bình quân của người lao động | : 8,2 triệu đồng/người/tháng. |

Nhìn vào kết quả này, chúng ta có thể thấy được mối quan hệ giữa lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ nộp ngân sách đã được doanh nghiệp thực hiện một cách hài hòa và đúng theo quy định hiện hành.

#### **e/ Khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng :**

Ban quản lý điều hành trực tiếp liên hệ với các khách hàng thân thiết lâu năm cũng như các nhà cung ứng nguyên nhiên vật liệu chủ yếu vào dịp cuối năm nhằm chuẩn bị các Hợp đồng kinh tế cho năm sau. Vấn đề này giúp cho nguồn việc, nguồn vật tư nguyên liệu của Cty được đảm bảo ổn định cả năm.

## **B. Hoạt động khác :**

- Công ty đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc *Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh* và bằng khen về việc *Hoàn thành tốt chính sách thuế và nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước*.

- Việc phối hợp hoạt động giữa tổ chức Đảng, đoàn thể với Hội đồng Quản trị và Ban quản lý điều hành rất tốt nhằm mục đích đưa doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững. Trong năm 2013, Đảng bộ Cty đã kết nạp thêm 01 đảng viên mới, nâng số đảng viên trong Đảng bộ lên 36 đảng viên.

- Thực hiện tốt các quy định của Ngành theo Luật xuất bản, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng in nổi bản, in sai số lượng trên giấy phép.

- Công ty thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các chế độ quyền lợi có liên quan đến người lao động như : Ký kết và thực hiện Thỏa ước LĐTT, trích Quỹ phúc lợi, Quỹ Công đoàn, đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, mua Bảo hiểm tai nạn, mua sắm trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho các khâu sản xuất bị ảnh hưởng. Một số số liệu dẫn chứng như sau :

+ Nộp BHXH, BHYT, BHTN	: 2.528.986.793 đồng.
+ Trích kinh phí Công đoàn	: 280.206.000 đồng.
Trong đó nộp CĐ TCty	: 112.082.400 đồng.

- Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự : Ưu tiên tuyển dụng các thành viên mới được đào tạo chính quy trong các trường Đại học như Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức, Kinh tế, ... Hỗ trợ 100% kinh phí và vật tư sử dụng để người công nhân tham gia các kỳ thi tay nghề nâng bậc kỹ thuật của lao động trực tiếp sản xuất cũng như nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận gián tiếp nếu thấy phù hợp với nhu cầu công việc mà đơn vị đang phân công.

Thường xuyên đánh giá, rà soát lại đội ngũ lao động để sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Thanh lý các máy móc thiết bị đã hư hỏng, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phù hợp và đáp ứng yêu cầu công việc

Thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị.

- Tập thể CB-CNV cũng như công ty, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, phong trào Văn Thể Mỹ, từ thiện, cứu trợ, đền ơn đáp nghĩa, ... do Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn cũng như địa phương đã phát động trong năm.

### **C. Một số mặt còn thiếu sót, hạn chế :**

- Dự án xây dựng mới mặt bằng phân xưởng Phan Đăng Lưu với kết cấu 1 trệt, 1 lầu không thực hiện đúng tiến độ đã đề ra do thời gian của việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kéo dài ngoài ý muốn, và có khả năng phải ngừng lại do không thể di chuyển các máy móc thiết bị (như: máy cắt, máy đóng, máy vô bìa keo...) lên trên lầu 1 được.

- Chương trình phát triển sản phẩm mới từ ngành In kỹ thuật số cũng thực hiện chậm hơn kế hoạch do quá trình tìm hiểu, học tập và lựa chọn nhà cung cấp thông qua công tác đấu thầu phức tạp và việc khai thác nguồn việc cho dự án còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Việc đầu tư này sẽ được Ban quản lý điều hành thực hiện trọn vẹn trong năm 2014.

- Công tác cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạn chế đến mức thấp nhất các sản phẩm hỏng trên dây chuyền sản xuất chưa có chuyển biến tích cực.

### **2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2012; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

#### **a/ Tình hình chung**

Trong năm qua, nhờ những giải pháp tích cực và chính xác do Chính phủ đề ra mà lạm phát đã được kiềm chế thành công, giúp kinh tế vĩ mô được ổn định. Tuy nhiên, các khó khăn của năm nay như : Khó tiếp cận đồng vốn, nợ xấu tăng cao và nhất là sức mua của xã hội bị giảm sút vẫn còn tồn tại trong năm 2014.

Đi vào tình hình cụ thể của Công ty Cổ phần In số 4, do tình hình cạnh tranh trong nội bộ ngành ngày càng trở nên gay gắt nên sản lượng sách giáo khoa là một trong những sản phẩm có tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn việc đã bị giảm sút một cách thảm hại chỉ còn khoảng hơn 20%.

Do vậy, căn cứ vào nguồn việc và các Hợp đồng Kinh tế mà doanh nghiệp đã ký kết được, trong việc xác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 Công ty không thể chủ quan



đề ra mục tiêu tăng trưởng mà chủ yếu giữ cho Hoạt động sản xuất kinh doanh **không bị suy giảm nhiều**.

Bên cạnh đó, để thực hiện nhu cầu đầu tư xây dựng mới phân xưởng Phan Đăng Lưu thì doanh nghiệp buộc lòng phải ngừng sản xuất tại địa chỉ này ít nhất là 3 tháng.

## **2/ Mục tiêu chính :**

- Ổn định sản xuất và hạn chế suy giảm trên cơ sở mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống lâu năm.

- Nâng cao chất lượng mẫu mã các mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp như vé số, lịch bloc các loại, ...

- Đa dạng hóa sản phẩm sản xuất bằng cách trang bị máy in kỹ thuật số loại vừa nhằm hạn chế các rủi ro.

- Tiến hành tái khởi động phương án Hợp tác kinh doanh tại mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch trên cơ sở tìm kiếm các nhà đầu tư mới.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm.

#### **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

<b><u>STT</u></b>	<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Số CP</u></b>	<b><u>Chức danh</u></b>
01.	Ông Phan Chí Trung	9.800	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	5.200	Phó chủ tịch HĐQT. Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	2.100	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	9.200	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	4.550	Thành viên Hội đồng quản trị

#### **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Không có.

#### **Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013:**

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm

bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

#### **Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:**

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2013 là 1.500.000 đồng/người/tháng.

## **2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 05 năm Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

#### **Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

<b><u>STT</u></b>	<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Số CP</u></b>	<b><u>Chức danh</u></b>
01	Bà Lê Thị Đan Phương	8.750	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	-	Thành viên Ban Kiểm soát
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	1.970	Thành viên Ban Kiểm soát

#### **Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013:**

##### **- Kiểm soát chiến lược:**

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ của HĐQT, Ban điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.
- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT. Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

##### **- Kiểm soát hoạt động:**

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01lần/năm)

- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.
- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- **Kiểm soát Báo cáo tài chính:**

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2013 là 1.500.000 đồng /người/tháng

### **3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc sẽ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

- Phát huy tối đa văn hóa dân chủ để có thể huy động mọi khả năng, năng lực tiềm tàng của người lao động trong công ty nhằm giúp doanh nghiệp có thể phát triển bền vững và hiệu quả.
- Ổn định hơn nữa mô hình tổ chức để xây dựng bộ máy hợp lý khoa học trên cơ sở các quy trình tác nghiệp mô tả công việc; Bộ máy điều hành cần tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo điều hành toàn công ty hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kết hợp các phương thức đào tạo và tự đào tạo.
- Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là quy chế nội bộ.
- Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thành lập một bộ phận chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

*Theo ý kiến của chúng tôi*, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Số 4 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần In số 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>24.658.865.543</b>	<b>24.418.963.043</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.927.867.854</b>	<b>19.373.980.374</b>
1. Tiền	111	V.01	927.867.854	1.873.980.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	17.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.021.281.761</b>	<b>2.076.677.992</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		4.986.281.761	1.908.697.571
2. Trả trước cho người bán	132		35.000.000	35.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.000.000.000	1.132.980.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-1.000.000.000	-1.000.000.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>690.006.582</b>	<b>2.912.612.263</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	690.006.582	2.912.612.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.709.346</b>	<b>55.692.414</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.709.346	55.692.414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>3.863.158.592</b>	<b>4.479.185.888</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.863.158.592</b>	<b>4.279.185.888</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	3.863.158.592	4.279.185.888

- Nguyên giá	222		26.354.291.517	25.945.533.516
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-22.491.132.925	-21.666.347.628
<b>2. TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V.09</b>		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3. TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.10</b>		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			<b>200.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		200.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>28.522.024.135</b>	<b>28.898.148.931</b>
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>7.055.667.378</b>	<b>7.783.581.898</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.055.667.378</b>	<b>7.783.581.898</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		348.872.199	1.674.919.695
3. Người mua trả tiền trước	313		80.230.000	158.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	307.109.681	486.587.134
5. Phải trả người lao động	315		3.909.650.553	3.483.416.994
6. Chi phí phải trả	316	V.17	314.248.270	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	109.168.380	226.229.780
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.986.388.295	1.754.428.295
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>21.466.356.757</b>	<b>21.114.567.033</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>21.466.356.757</b>	<b>21.114.567.033</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.247.974.425	3.247.974.425
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.058.700.000	1.658.700.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.159.682.332	4.207.892.608
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>28.522.024.135</b>	<b>28.898.148.931</b>
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	000			
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	49.225.053.140	43.236.145.424
2. Các khoản giảm trừ	02			
+ Chiết khấu thương mại	03			
+ Giảm giá	04			
+ Hàng bán bị trả lại	06			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	07			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10		49.225.053.140	43.236.145.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	41.487.086.766	37.430.642.668
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		7.737.966.374	5.805.502.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.669.196.380	1.988.540.683
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		50.600.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.389.568.221	3.106.116.796
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.017.594.533	4.637.326.643
11. Thu nhập khác	31		442.630.002	313.859.364
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		442.630.002	313.859.364
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.460.224.535	4.951.186.007
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.224.423.411	952.281.642
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		4.235.801.124	3.998.904.365
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.530	3.332



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.460.224.535</b>	<b>4.951.186.007</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.167.036.387	940.163.155
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(1.912.196.380)	(2.137.677.047)
Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.715.064.542</b>	<b>3.753.672.115</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.908.620.701)	7.519.267.089
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.222.605.681	1.661.108.062
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(337.859.883)	(5.417.169.824)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		200.000.000	(200.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.333.834.798)	(2.274.013.085)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		85.100.000	1.288.618.100
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(491.851.400)	(795.459.471)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.150.603.441</b>	<b>5.536.022.986</b>
<b>II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(751.009.091)	(3.162.490.909)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		243.000.000	149.136.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.669.196.380	1.988.540.683
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.161.187.289</b>	<b>(1.024.813.862)</b>
<b>III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.757.903.250)	(3.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.757.903.250)</b>	<b>(3.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(446.112.520)</b>	<b>1.011.209.124</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>19.373.980.374</b>	<b>18.362.771.250</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>18.927.867.854</b>	<b>19.373.980.374</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Số 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In Số 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005.

Trụ sở chính tại: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 4 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 09 tháng 11 năm 2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất Bản cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005, hoạt động kinh doanh là Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

#### **3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

#### **3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.**

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### **4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **5.2. Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản của Công ty được theo dõi theo thời gian sử dụng còn lại và được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Nhà xưởng           | 10 – 25 năm |
| - Máy móc thiết bị    | 04 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm      |

### **6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác**

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

## **8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

## **9. Quỹ tiền lương**

Tiền lương Công ty được chi trả theo Quyết định số 01/QĐ-IN4-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013.

Công ty được duyệt đơn giá tiền lương năm 2013 là 3.306 đồng trên 1.000 trang in 13x19.

## **10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### **11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **11.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

Công ty không hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế. Phần

thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu của Công ty trong kỳ tính thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều 19 của Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền</b>	<b>927.867.854</b>	<b>1.873.980.374</b>
Tiền mặt	471.068.845	452.251.247
Tiền gửi ngân hàng	456.799.009	1.421.729.127
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.927.867.854</b>	<b>19.373.980.374</b>

### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	4.986.281.761 (2.1)	1.908.697.571
Trả trước cho người bán	35.000.000 (2.2)	35.000.000
Các khoản phải thu khác	1.000.000.000 (2.3)	1.132.980.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.000.000.000) (2.4)	(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>5.021.281.761</b>	<b>2.076.677.992</b>

(2.1) Bao gồm các khách hàng sau:

Công ty TNHH Nhà Xuất Bản Thời Đại	562.590.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	453.702.458
Công ty TNHH Hồng Hưng	665.118.220
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Bảo Long	974.197.400
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai	924.000.000
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Long An	462.000.000
Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết Tây Ninh	642.400.000
Các khách hàng khác	302.273.683
<b>Cộng</b>	<b>4.986.281.761</b>

(2.2) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Thuận.

(2.3) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25 tháng 03 năm 2008. tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009.

(2.4) Dự phòng nợ phải thu Công ty TNHH Hoàng Gia Long An với tỷ lệ 100%.

### 3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	504.121.445	1.758.082.776
Công cụ. dụng cụ	11.319.137	31.604.487
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.566.000	1.122.925.000
<b>Giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>690.006.582</b>	<b>2.912.612.263</b>

### 4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	4.449.193.400	-	-	4.449.193.400
Máy móc thiết bị	20.080.016.487	751.009.091	342.251.090	20.488.774.488
Phương tiện vận tải	1.416.323.629	-	-	1.416.323.629
<b>Cộng</b>	<b>25.945.533.516</b>	<b>751.009.091</b>	<b>342.251.090</b>	<b>26.354.291.517</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	4.015.403.091	125.491.812	-	4.140.894.903
Máy móc thiết bị	16.234.620.908	1.041.544.575	342.251.090	16.933.914.393
Phương tiện vận tải	1.416.323.629	-	-	1.416.323.629
<b>Cộng</b>	<b>21.666.347.628</b>	<b>1.167.036.387</b>	<b>342.251.090</b>	<b>22.491.132.925</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	433.790.309			308.298.497
Máy móc thiết bị	3.845.395.579			3.554.860.095
Phương tiện vận tải	-			-
<b>Cộng</b>	<b>4.279.185.888</b>			<b>3.863.158.592</b>

Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.758.674.039 đồng.

### 5. Nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	348.872.199 (5.1)	1.674.919.695
Người mua trả tiền trước	80.230.000 (5.2)	158.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	307.109.681 (5.3)	486.587.134
Phải trả người lao động	3.909.650.553	3.483.416.994
Chi phí phải trả	314.248.270 (5.4)	-
Các khoản phải trả khác	109.168.380 (5.5)	226.229.780
Quỹ khen thưởng. phúc lợi	1.986.388.295	1.754.428.295
<b>Cộng</b>	<b>7.055.667.378</b>	<b>7.783.581.898</b>

(5.1) Khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Viễn Thái	34.597.200
--	------------

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mê Kông	51.654.999
Công ty TNHH Thương mại Gia Hiệp	56.980.000
CN Tổng Công ty CN In Bao Bì Liksin – TTKD An Thịnh Liksin	49.885.000
Công ty TNHH Giấy Tân Sinh	16.780.720
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	54.912.000
Các khách hàng khác	84.062.280
<b>Cộng</b>	<b>348.872.199</b>

(5.2) Bao gồm các khoản người mua trả tiền trước sau:

Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Quảng Ninh	73.500.000
Đài Truyền Thanh huyện Cần Giờ	2.530.000
Các khách hàng khác	4.200.000
<b>Cộng</b>	<b>80.230.000</b>

(5.3) Bao gồm:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp	236.105.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.992.981
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	(19.989.190)
<b>Cộng</b>	<b>307.109.681</b>

(5.4) Chi phí in sách Giáo khoa thâu 2014.

(5.5) Bao gồm:

Kinh phí công đoàn	4.125.720
Bảo hiểm xã hội	5.042.660
Nhận ký quỹ từ Công ty TNHH TM-SX-DV Tân Vinh Cường	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.168.380</b>

## 6. Vốn chủ sở hữu

6.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	1.658.700.000	4.207.892.608
Tăng trong năm nay	-	-	400.000.000	4.235.801.124
Giảm trong năm nay	-	-	-	4.284.011.400 (*)
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	2.058.700.000	4.159.682.332

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông như sau :

- Chi thường tiết kiệm giấy	84.011.400
- Thuế thu nhập từ cổ tức	70.161.250
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	800.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính	400.000.000
- Chia cổ tức	2.929.838.750
<b>Cộng</b>	<b>4.284.011.400</b>



## 6.2. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2013 là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

Chỉ tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.225.053.140</b>	<b>43.236.145.424</b>
Tổng doanh thu	49.225.053.140	43.236.145.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	49.225.053.140	43.236.145.424
<b>1.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1.669.196.380</b>	<b>1.988.540.683</b>
Lãi tiền gửi	1.669.196.380	1.988.540.683
<b>1.3. Thu nhập khác</b>	<b>442.630.002</b>	<b>313.859.364</b>
Giấy tiết kiệm	199.630.002	164.723.000
Thanh lý tài sản	243.000.000	149.136.364

### 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.728.053.548	1.745.052.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.188.122	35.682.751
Thuế, phí và lệ phí	766.166.120	500.601.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.791.300	88.066.947
Chi phí bằng tiền khác	779.369.131	736.713.326
<b>Cộng</b>	<b>4.389.568.221</b>	<b>3.106.116.796</b>

### 3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.224.423.411	<b>952.281.642</b>

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay

**Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

-	-
<b>1.224.423.411</b>	<b>952.281.642</b>

#### 4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.235.801.124	3.998.904.365
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	4.235.801.124	3.998.904.365
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.530</b>	<b>3.332</b>

#### 5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	14.044.241.373	11.886.283.751
Chi phí nhân công	20.213.945.945	19.688.427.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.167.036.387	940.163.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.103.902	795.267.219
Chi phí khác bằng tiền	8.593.968.380	7.117.508.992
<b>Cộng</b>	<b>44.928.295.987</b>	<b>40.427.650.602</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các bên liên quan

#### 1.1. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty In Văn hóa Sài Gòn	Công ty thành viên	Công đóng cuốn	2.600.000
Công ty Cổ phần In Số 7	Công ty thành viên	Công in	115.604.200

1.2. Số dư với các bên liên quan: Đến 31/12/2013 không còn số dư với các bên liên quan.

### 2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

